

Phụ lục XXVIII

MẪU THÔNG BÁO VỀ VIỆC SỬA ĐỔI BỔ SUNG ĐIỀU LỆ/BẢN CÁO BẠCH

(Ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính)

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital
QUỸ ETF VINACAPITAL VN100

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 20210513/VCFM-ETFVN100 -TĐ

TP.HCM, ngày 13 tháng 05 năm 2021

THÔNG BÁO

Về việc sửa đổi, bổ sung Bản cáo bạch của quỹ đầu tư chứng khoán

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HCM

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital (“VinaCapital”) báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc sửa đổi, bổ sung Bản cáo bạch của QUỸ ETF VINACAPITAL VN100 (Mã chứng khoán: FUEVN100) như sau:

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
1.	Thông tin nhận sự của VinaCapital	<p>Ông Brook Colin Taylor – Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị và là người đại diện theo pháp luật của Công Ty Quản Lý Quỹ</p> <p>Ông Ho An T (Andy Ho) – Thành viên Hội Đồng Quản Trị</p> <p>Bà Nguyễn Thị Thái Thuận – Tổng Giám Đốc kiêm Thành viên Hội Đồng Quản Trị</p>	<p>Ông Ho An T (Andy Ho) – Thành viên Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị</p> <p>Ông Brook Colin Taylor – Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Người đại diện theo pháp luật kiêm Tổng Giám Đốc của Công Ty Quản Lý Quỹ Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị của Công Ty Quản Lý Quỹ</p> <p>Bà Nguyễn Thị Thái Thuận – Tổng Giám Đốc kiêm Thành viên Hội Đồng Quản Trị</p> <p>Bà Nguyễn Hoài Thu – Thành viên Hội Đồng Quản Trị</p>	<p>Điều chỉnh theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông bất thường của VinaCapital ngày 03/12/2020 ; Quyết định số 022021/QĐ-HĐQT ngày 23/04/2021 về việc bầu Chủ tịch HĐQT và Giấy phép điều chỉnh số 21/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 22/04/2021 về việc điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động của VinaCapital</p>
2.	Thông tin nhận sự của VinaCapital	<p>Bà Nguyễn Thị Thái Thuận – Tổng Giám Đốc và Thành viên Hội Đồng Quản Trị</p> <p>Bà Thái Thuận hiện là Tổng Giám</p>	<p>Bà Nguyễn Thị Thái Thuận – Tổng Giám Đốc và Thành viên Hội Đồng Quản Trị</p> <p>Bà Thái Thuận hiện là Tổng Giám</p>	<p>Điều chỉnh thông tin do bà Thái Thuận không còn là Thành viên</p>

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
		<p>Đốc của VCFM. Bà Thái Thuận có hơn 18 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư, dịch vụ tài chính và quản trị doanh nghiệp. Bà Thái Thuận khởi nghiệp tại Hoa Kỳ, với bảy năm kinh nghiệm làm cho các tổ chức tư vấn chiến lược và quản lý đa quốc gia, bao gồm Hay Management và Monitor Group. Năm 2008, bà Thái Thuận về Việt Nam và gia nhập Tập Đoàn VinaCapital, phụ trách các vấn đề chiến lược, huy động vốn và quản lý danh mục của Tập Đoàn VinaCapital. Sau đó, vào tháng 1 năm 2012, bà gia nhập tập đoàn chuyên đầu tư vào các công ty chưa niêm yết tại Việt Nam là Vietnam Investments Group (VIG), với cương vị là giám đốc phụ trách các vấn đề về đầu tư, quan hệ nhà đầu tư và chiến lược nhân sự của VIG. Bà Thái Thuận trở thành Tổng Giám Đốc của VCFM từ tháng 1 năm 2014.</p> <p>Bà Thái Thuận có bằng thạc sĩ quản trị kinh doanh của Trường Wharton trực thuộc Đại học Pennsylvania và bằng cử nhân của trường Đại học Harvard. Bà Thái Thuận đồng thời có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ và tài sản do UBCKNN cấp.</p>	<p>Đốc của VCFM. Bà Thái Thuận có hơn 18 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư, dịch vụ tài chính và quản trị doanh nghiệp. Bà Thái Thuận khởi nghiệp tại Hoa Kỳ, với bảy năm kinh nghiệm làm cho các tổ chức tư vấn chiến lược và quản lý đa quốc gia, bao gồm Hay Management và Monitor Group. Năm 2008, bà Thái Thuận về Việt Nam và gia nhập Tập Đoàn VinaCapital, phụ trách các vấn đề chiến lược, huy động vốn và quản lý danh mục của Tập Đoàn VinaCapital. Sau đó, vào tháng 1 năm 2012, bà gia nhập tập đoàn chuyên đầu tư vào các công ty chưa niêm yết tại Việt Nam là Vietnam Investments Group (VIG), với cương vị là giám đốc phụ trách các vấn đề về đầu tư, quan hệ nhà đầu tư và chiến lược nhân sự của VIG. Bà Thái Thuận trở thành Tổng Giám Đốc của VCFM từ tháng 1 năm 2014.</p> <p>Bà Thái Thuận có bằng thạc sĩ quản trị kinh doanh của Trường Wharton trực thuộc Đại học Pennsylvania và bằng cử nhân của trường Đại học Harvard. Bà Thái Thuận đồng thời có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ và tài sản do UBCKNN cấp.</p>	<p>HDQT và Tổng Giám Đốc của CTCP Quản lý Quỹ VinaCapital</p>
3.	Thông tin nhận sự của VinaCapital		<p>Bà Nguyễn Hoài Thu – Thành Viên Hội Đồng Quản Trị</p> <p>Bà Thu có hơn 15 năm kinh nghiệm với thị trường vốn châu Á, bao gồm kinh nghiệm ngân hàng đầu tư với DBS Bank (Singapore) và kinh nghiệm quản lý quỹ đầu tư vào thị trường chứng khoán châu Á với DBS Asset Management (Singapore) và tập đoàn BankInvest (Đan Mạch). Trước khi gia nhập VinaCapital, bà Thu là người đồng sáng lập, Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Đầu tư của Vietnam Asset Management Ltd., một công ty có bề dày kinh nghiệm quản lý quỹ mở vào bậc lâu năm nhất tại Việt Nam.</p> <p>Bà Thu có bằng Đại học Hạng Ưu chuyên ngành Quản trị Kinh</p>	<p>Bổ sung thông tin theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông bất thường của VinaCapital ngày 03/12/2020</p>

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
			doanh tại Đại học Quốc gia Singapore, bằng Chuyên viên Phân tích Tài chính Chuyên nghiệp (CFA) và chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ do UBCKNN cấp.	
4.	Chương II – Những người chịu trách nhiệm chính về nội dung bản cáo bạch	Ngân Hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam – Chi Nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa Bà Trần Thị Kim – Phó Giám Đốc và là người đại diện của Ngân Hàng Giám Sát. Theo Giấy ủy quyền số 917/QĐ-BIDV ngày 27/11/2018 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.	Ngân Hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam – Chi Nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa Ông Hoàng Văn Sơn Bà Trần Thị Kim – Phó Giám Đốc và là người đại diện của Ngân Hàng Giám Sát. Theo Giấy ủy quyền số 917/QĐ-BIDV ngày 27/11/2018 của Tổng Giám đốc Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.	Điều chỉnh cho phù hợp với thông tin của Ngân hàng giám sát
5.	CÁC ĐỊNH NGHĨA – Chỉ số tham chiếu	là chỉ số VN100, một chỉ số thị trường bao gồm cổ phiếu thành phần của VN30 và VNMidcap do HOSE xây dựng và quản lý trong đó (i) VN30 là chỉ số được xây dựng từ rổ cổ phiếu thành phần của VNAllshare (là tất cả các cổ phiếu niêm yết trên HOSE đáp ứng đủ điều kiện tham gia vào bộ chỉ số của HOSE), gồm 30 công ty có giá trị vốn hóa và thanh khoản hàng đầu đáp ứng các điều kiện theo quy định của HOSE và (ii) VNMidcap là chỉ số được xây dựng từ rổ cổ phiếu thành phần của VNAllshare, gồm 70 công ty có giá trị vốn hóa sau VN30 đáp ứng các điều kiện theo quy định của HOSE. Chỉ Số Tham Chiếu đáp ứng quy định tại Khoản 4 Điều 3 Thông tư 229/2012/TT-BTC ngày 27/12/2012 hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ hoán đổi danh mục.	là chỉ số VN100, một chỉ số thị trường bao gồm cổ phiếu thành phần của VN30 và VNMidcap do HOSE xây dựng và quản lý trong đó (i) VN30 là chỉ số được xây dựng từ rổ cổ phiếu thành phần của VNAllshare (là tất cả các cổ phiếu niêm yết trên HOSE đáp ứng đủ điều kiện tham gia vào bộ chỉ số của HOSE), gồm 30 công ty có giá trị vốn hóa và thanh khoản hàng đầu đáp ứng các điều kiện theo quy định của HOSE và (ii) VNMidcap là chỉ số được xây dựng từ rổ cổ phiếu thành phần của VNAllshare, gồm 70 công ty có giá trị vốn hóa sau VN30 đáp ứng các điều kiện theo quy định của HOSE. Chỉ Số Tham Chiếu đáp ứng quy định tại Khoản 4 Điều 3 Thông tư 229/2012/TT-BTC ngày 27/12/2012 hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ hoán đổi danh mục.	Điều chỉnh thông tin do quy định pháp luật sửa đổi
6.	CÁC ĐỊNH NGHĨA – Chứng khoán cơ cấu	Chứng khoán cơ cấu là chứng khoán cơ sở cấu thành danh mục chứng khoán của Chỉ Số Tham Chiếu.	Chứng khoán cơ cấu là chứng khoán cơ sở có trong cơ cấu chỉ số tham chiếu của quỹ ETF, không bao gồm chứng khoán phái sinh.	Điều chỉnh thông tin do quy định pháp luật sửa đổi
7.	CÁC ĐỊNH NGHĨA – Người có liên quan	được hiểu và giải thích theo quy định tại Điều 6.34 của Luật Chứng Khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua vào ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật số 62/2010/QH12 sửa đổi và bổ sung một số điều của Luật Chứng Khoán	được hiểu và giải thích theo quy định tại Điều 6.34 4.46 của Luật Chứng Khoán số 70/2006/QH11 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua vào ngày 29 tháng 6 tháng 11 năm 2019	Điều chỉnh thông tin do quy định pháp luật sửa đổi

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
		được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua vào ngày 24 tháng 11 năm 2010, hoặc quy định khác thay thế quy định tại Điều 6.34 này.	năm 2006 và Luật số 62/2010/QH12 sửa đổi và bổ sung một số điều của Luật Chứng Khoán được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua vào ngày 24 tháng 11 năm 2010, hoặc quy định khác thay thế quy định tại Điều 4.46 6.34 này.	
8.	CÁC ĐỊNH NGHĨA – Ngày giao dịch hoán đổi	Ngày giao dịch hoán đổi là Ngày Định Giá mà vào ngày đó Công Ty Quản Lý Quỹ đại diện cho Quỹ thực hiện phát hành hoặc mua lại các Lô Chứng Chỉ Quỹ từ Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư theo cơ chế Hoán Đổi Danh Mục.	Ngày giao dịch hoán đổi là ngày mà công ty quản lý quỹ, thay mặt quỹ, phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ hoặc lô chứng chỉ quỹ từ thành viên lập quỹ, nhà đầu tư theo cơ chế giao dịch của quỹ.	Điều chỉnh thông tin do quy định pháp luật sửa đổi
9.	Chương IV, Phần 3.1 – Tình hình kinh tế vĩ mô		Cập nhật dữ liệu tình hình kinh tế vĩ mô của Việt Nam đến hết năm 2020.	Cập nhật dữ liệu mới nhất
10.	Chương IV, Phần 3.2 – Diễn biến và triển vọng đầu tư vào thị trường chứng khoán		Cập nhật dữ liệu đánh giá và triển vọng thị trường chứng khoán Việt Nam đến hết năm 2020.	Cập nhật dữ liệu mới nhất
11.	Chương V, Phần 4.2 – Giới thiệu các cổ đông công ty quản lý quỹ		Cập nhật số liệu về tài sản quản lý của VinaCapital tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2020.	Cập nhật dữ liệu mới nhất
12.	Chương V, Phần 4.3.4 – Tình hình hoạt động của công ty quản lý quỹ		Cập nhật số liệu về giá trị tài sản ròng của các Quỹ do VinaCapital quản lý tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2020. Cập nhật các số liệu tài chính về tình hình hoạt động kinh doanh của VinaCapital đến ngày 31 tháng 12 năm 2020.	Cập nhật dữ liệu mới nhất
13.	Chương VI – Ngân hàng giám sát	Ngân Hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam - Chi Nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619079, đăng ký lần đầu ngày 29/11/2004, đăng ký	Ngân Hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam - Chi Nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619079 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí	Điều chỉnh cho phù hợp với thông tin của Ngân hàng giám sát

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
		<p>thay đổi lần thứ 10 ngày 04/01/2017 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán số: 106/QĐ-UBCK ngày 14/05/2003 do UBCKNN cấp Địa chỉ: 66 Phó Đức Chính, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Hồ Chí Minh, Việt Nam Điện thoại: 028 38218812 Fax: 028 39144714</p>	<p>Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 29/11/2004 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm), đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 04/01/2017 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán số: 106/QĐ-UBCK ngày 14/05/2003 do UBCKNN cấp Địa chỉ: 66 Phó Đức Chính, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Hồ Chí Minh, Việt Nam Điện thoại: 028 38218812 Fax: 028 39144714</p>	
14.	Chương VIII – Thành viên lập quỹ	<p>Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán VNDirect Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động số 22/UBCK-GPHĐKD do UBCKNN cấp ngày 16/11/2006 Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 26/GCNTVLK do Trung tâm lưu ký chứng khoán cấp ngày 05/12/2006 Địa chỉ: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội Điện thoại: 024 3941 0622 Fax: 024 3972 4600</p>	<p>Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán VNDirect Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động số 22/UBCK-GPHĐKD do UBCKNN cấp ngày 16/11/2006 Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 26/GCNTVLK do Trung tâm lưu ký chứng khoán cấp ngày 05/12/2006 Địa chỉ: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội Điện thoại: 024 3941 0622 Fax: 024 3972 4600</p>	Điều chỉnh thông tin theo Thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng Thành viên lập quỹ với VNDirect ngày 08/04/2021
15.	Chương VIII – Thành viên lập quỹ		<p>Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán KIS Việt Nam Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động số 56/UBCK-GPHĐKD do UBCKNN cấp lần đầu ngày 05/07/2007 Địa chỉ: Lầu 3, 180-192 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam Điện thoại: 028 3914 8585 Fax: 028 3821 6898</p>	Cập nhật thêm KIS vào danh sách Thành Viên Lập Quỹ đã được UBCKNN chấp thuận.
16.	Chương IX – Đại lý phân phối	<p>Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán VNDirect Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động số 22/UBCK-GPHĐKD do UBCKNN cấp ngày 16/11/2006 Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 26/GCNTVLK do Trung tâm lưu ký chứng khoán cấp ngày 05/12/2006 Địa chỉ: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội Điện thoại: 024 3941 0622 Fax: 024 3972 4600</p>	<p>Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán VNDirect Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động số 22/UBCK-GPHĐKD do UBCKNN cấp ngày 16/11/2006 Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 26/GCNTVLK do Trung tâm lưu ký chứng khoán cấp ngày 05/12/2006 Địa chỉ: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội Điện thoại: 024 3941 0622 Fax: 024 3972 4600</p>	Điều chỉnh thông tin theo Thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng Đại lý phân phối với VNDirect ngày 08/04/2021

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
17.	Chương IX – Đại lý phân phối		Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán KIS Việt Nam Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động số 56/UBCK-GPHĐKD do UBCKNN cấp lần đầu ngày 05/07/2007 Địa chỉ: Lầu 3, 180-192 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam Điện thoại: 028 3914 8585 Fax: 028 3821 6898	Cập nhật theo hợp đồng đại lý phân phối đã ký với KIS
18.	Chương X, Phần 9.3 – Tổ chức được ủy quyền cung cấp dịch vụ quản trị quỹ	Ngân Hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam - Chi Nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619079, đăng ký lần đầu ngày 29/11/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 04/01/2017 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán số: 106/QĐ-UBCK ngày 14/05/2003 do UBCKNN cấp Địa chỉ: 66 Phó Đức Chính, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Hồ Chí Minh, Việt Nam Điện thoại: 028 38218812 Fax: 028 39144714	Ngân Hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam - Chi Nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619079 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 29/11/2004 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm), đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 04/01/2017 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán số: 106/QĐ-UBCK ngày 14/05/2003 do UBCKNN cấp Địa chỉ: 66 Phó Đức Chính, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Hồ Chí Minh, Việt Nam Điện thoại: 028 38218812 Fax: 028 39144714	Điều chỉnh cho phù hợp với thông tin của tổ chức được ủy quyền
19.	Chương X, Phần 9.3 – Tổ chức tạo lập thị trường		Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán KIS Việt Nam Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động số 56/UBCK-GPHĐKD do UBCKNN cấp lần đầu ngày 05/07/2007 Địa chỉ: Lầu 3, 180-192 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam Điện thoại: 028 3914 8585 Fax: 028 3821 6898	Cập nhật theo hợp đồng tạo lập thị trường đã ký với KIS và quyết định chấp thuận của HSX số 751/QĐ-SGDHCM ngày 19/11/2020
20.	Chương XI, Phần 10.2.2.1 – Chiến lược đầu tư, chính sách đầu tư và phân bổ tài sản	Quỹ sẽ áp dụng chiến lược đầu tư thụ động với mục tiêu lợi nhuận bám sát tỷ lệ lợi nhuận của Chỉ Số Tham Chiếu bằng cách đầu tư vào danh mục Chứng Khoán Cơ Cấu thuộc Chỉ Số Tham Chiếu. Danh mục đầu tư của Quỹ phải phù hợp với danh mục của Chỉ Số Tham Chiếu về cơ cấu, tỷ trọng tài sản quy định tại Khoản 5 Điều 3 Thông tư 229/2012/TT-BTC, cụ thể bao gồm tối thiểu 50% số chứng khoán cơ sở hình thành Chỉ Số	Quỹ sẽ áp dụng chiến lược đầu tư thụ động với mục tiêu lợi nhuận bám sát tỷ lệ lợi nhuận của Chỉ Số Tham Chiếu bằng cách đầu tư vào danh mục Chứng Khoán Cơ Cấu thuộc Chỉ Số Tham Chiếu. Danh mục đầu tư của Quỹ phải phù hợp với danh mục của Chỉ Số Tham Chiếu về cơ cấu, tỷ trọng tài sản quy định tại Khoản 2 Điều 250 Nghị định 155/2020/NĐ-CP Khoản 5 Điều 3 Thông tư 229/2012/TT-BTC , cụ thể bao gồm	Điều chỉnh thông tin do quy định pháp luật sửa đổi

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
		VN100 và Giá trị Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu của Quỹ thông thường không thấp hơn 95% giá trị của danh mục chứng khoán tương ứng của Chỉ Số VN100.	tối thiểu 50% số chứng khoán cơ sở hình thành Chỉ Số VN100 và Giá trị Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu của Quỹ thông thường không thấp hơn 95% giá trị của danh mục chứng khoán tương ứng của Chỉ Số VN100.	
21.	Chương XI, Phần 10.2.2.4 – Chiến lược đầu tư, chính sách đầu tư và phân bổ tài sản	<p>Danh mục đầu tư của Quỹ bao gồm các Chứng Khoán Cơ Cấu trong danh mục của Chỉ Số Tham Chiếu và các tài sản tài chính sau đây tại Việt Nam:</p> <p>(a) Tài sản có thu nhập cố định:</p> <p>(i) Gửi tiền tại các ngân hàng thương mại theo quy định của Pháp Luật về ngân hàng;</p> <p>(ii) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định trong lĩnh vực ngân hàng;</p> <p>(iii) Trái phiếu Chính Phủ, trái phiếu được Chính Phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương và tín phiếu Kho bạc nhà nước; và</p> <p>(iv) Trái phiếu niêm yết của tổ chức phát hành được thành lập và hoạt động theo Pháp Luật.</p> <p>(b) Cổ phiếu:</p> <p>(i) Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu đăng ký giao dịch.</p> <p>(c) Công cụ phái sinh:</p> <p>Quỹ có thể đầu tư vào chứng khoán phái sinh được niêm yết, giao dịch tại các Sở giao dịch chứng khoán của Việt Nam. Tuy nhiên, việc đầu tư này chỉ phục vụ cho mục tiêu phòng ngừa rủi ro và giảm thiểu mức sai lệch so với Chỉ Số Tham Chiếu.</p> <p>(d) Các tài sản khác phát sinh từ việc sở hữu các chứng khoán có trong danh mục của Quỹ.</p>	<p>Danh mục đầu tư của Quỹ bao gồm các Chứng Khoán Cơ Cấu trong danh mục của Chỉ Số Tham Chiếu và các tài sản tài chính sau đây tại Việt Nam:</p> <p>(a) Tài sản có thu nhập cố định:</p> <p>(i) Gửi tiền Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của Pháp Luật về ngân hàng;</p> <p>(ii) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định trong lĩnh vực ngân hàng;</p> <p>(iii) Trái phiếu Công cụ nợ của Chính Phủ, trái phiếu được Chính Phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương và tín phiếu Kho bạc nhà nước; và</p> <p>(iv) Trái phiếu niêm yết của tổ chức phát hành được thành lập và hoạt động theo Pháp Luật.</p> <p>(b) Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ đại chúng:</p> <p>(i) Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu đăng ký giao dịch, chứng chỉ quỹ đại chúng.</p> <p>(c) Công cụ phái sinh:</p> <p>Quỹ có thể đầu tư vào chứng khoán phái sinh được niêm yết, giao dịch tại các Sở giao dịch chứng khoán của Việt Nam. Tuy nhiên, việc đầu tư này chỉ phục vụ cho mục tiêu phòng ngừa rủi ro và giảm thiểu mức sai lệch so với Chỉ Số Tham Chiếu.</p> <p>(d) Các tài sản khác phát sinh từ việc</p>	Điều chỉnh thông tin do quy định pháp luật sửa đổi

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
			sở hữu các chứng khoán có trong danh mục của Quỹ.	
22.	Chương XI, Phần 10.2.3.1 – Hạn chế đầu tư	<p>Các khoản đầu tư của Quỹ sẽ được đa dạng hóa và đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều Lệ này và quy định của Pháp Luật. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc sau:</p> <p>(a) Không được đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, ngoại trừ trái phiếu Chính phủ;</p> <p>(b) Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán phát hành bởi cùng một tổ chức phát hành, ngoại trừ trái phiếu Chính Phủ;</p> <p>(c) Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau, trừ trường hợp đó là Chứng Khoán Cơ Cấu nằm trong danh mục của Chỉ Số Tham Chiếu;</p> <p>(d) Không được đầu tư vào chứng chỉ của chính Quỹ đó, hoặc của các quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam;</p> <p>(e) Không được đầu tư vào bất động sản, cổ phiếu chưa niêm yết, cổ phiếu chưa đăng ký giao dịch của công ty đại chúng, phần vốn góp tại công ty trách nhiệm hữu hạn, trái phiếu phát hành riêng lẻ, trừ trường hợp đó là các tài sản Quỹ được hưởng lợi từ các quyền của chủ sở hữu;</p> <p>(f) Không được đầu tư vào chứng khoán phát hành bởi Công Ty Quản Lý Quỹ, Người Có Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ, Thành Viên Lập Quỹ, trừ trường hợp đó là Chứng Khoán Cơ Cấu nằm trong danh mục của Chỉ Số Tham Chiếu; và</p>	<p>Các khoản đầu tư của Quỹ sẽ được đa dạng hóa và đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều Lệ này và quy định của Pháp Luật. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc sau:</p> <p>(a) Không được đầu tư quá mười lăm phần trăm (10% 15%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, ngoại trừ trái phiếu công cụ nợ của Chính phủ;</p> <p>(b) Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản tại mục 10.2.2.4(a)(i) và (ii) phát hành bởi của cùng một tổ chức phát hành, ngoại trừ trái phiếu công cụ nợ của Chính Phủ;</p> <p>(c) Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại mục 10.2.2.4(a)(i)(ii) & (iv), 10.2.2.4(b) và 10.2.2.4.(c) phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ, trừ trường hợp đó là Chứng Khoán Cơ Cấu nằm trong danh mục của Chỉ Số Tham Chiếu;</p> <p>(d) Không được đầu tư vào chứng chỉ của chính Quỹ đó, hoặc của các quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam;</p> <p>(e) Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán khác do công ty quản lý quỹ khác quản lý và đảm bảo các</p>	Điều chỉnh thông tin do quy định pháp luật sửa đổi

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
		<p>Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các hợp đồng/giao dịch chứng khoán phái sinh và dư nợ các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ.</p>	<p>hạn chế sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không đầu tư quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng; - Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng; - Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng <p>(f) Không được đầu tư vào bất động sản, cổ phiếu chưa niêm yết, cổ phiếu chưa đăng ký giao dịch của công ty đại chúng, phần vốn góp tại công ty trách nhiệm hữu hạn, trái phiếu phát hành riêng lẻ, trừ trường hợp đó là các tài sản Quỹ được hưởng lợi từ các quyền của chủ sở hữu;</p> <p>(g) Không được đầu tư vào chứng khoán phát hành bởi Công Ty Quản Lý Quỹ, Người Có Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ, Thành Viên Lập Quỹ, trừ trường hợp đó là Chứng Khoán Cơ Cấu nằm trong danh mục của Chỉ Số Tham Chiếu; và</p> <p>Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các hợp đồng/giao dịch chứng khoán phái sinh và dư nợ các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ.</p>	
23.	<p>Chương XI, Phần 10.2.3.2 – Hạn chế đầu tư</p>	<p>Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ quy định tại điểm (a), (b) và (c) của Mục 10.3.2.1 bên trên được phép sai lệch nhưng không quá mười lăm phần trăm (15%) so với các hạn chế đầu tư quy định tại Mục 10.3.2.1 nếu sự sai lệch đó xuất phát từ các nguyên nhân sau:</p> <p>(a) Do biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;</p>	<p>Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ quy định tại điểm (a), (b), và (c) và (e) của Mục 10.3.2.1 bên trên được phép sai lệch nhưng không quá mười lăm phần trăm (15%) so với các hạn chế đầu tư quy định tại Mục 10.3.2.1 nếu sự sai lệch đó xuất phát từ và chỉ do các nguyên nhân sau:</p> <p>(a) Do biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;</p>	<p>Điều chỉnh thông tin do quy định pháp luật sửa đổi</p>

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
		<p>(b) Do phải thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp của Quỹ;</p> <p>(c) Do thực hiện các hoạt động Hoán Đổi Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu;</p> <p>(d) Do hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản, thu tóm, chào mua công khai của các tổ chức phát hành;</p> <p>(e) Cơ cấu danh mục chứng khoán của Chỉ Số Tham Chiếu thay đổi; hoặc</p> <p>Quỹ đang trong thời gian thanh lý, giải thể hoặc thời gian hoạt động của Quỹ tính từ thời điểm được cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ có hiệu lực chưa quá chín mươi (90) ngày.</p>	<p>(b) Do phải thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp của Quỹ theo quy định của pháp luật;</p> <p>(c) Do thực hiện các hoạt động Hoán Đổi Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu;</p> <p>(d) Do hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản, thu tóm, chào mua công khai của các tổ chức phát hành;</p> <p>(e) Cơ cấu danh mục chứng khoán của Chỉ Số Tham Chiếu thay đổi; hoặc</p> <p>Quỹ đang trong thời gian thanh lý, giải thể hoặc thời gian hoạt động của Quỹ tính từ thời điểm được cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ có hiệu lực chưa quá ba (03) tháng chín mươi (90) ngày.</p>	
24.	Chương XI, Phần 10.4.3 – Tóm tắt Điều lệ Quỹ	<p>Nhà Đầu Tư có các quyền sau đây:</p> <p>(a) nhận thanh toán và được hưởng các khoản phân chia (nếu có) do Quỹ thực hiện vào từng thời điểm tương ứng với số Chứng Chỉ Quỹ đang sở hữu;</p> <p>(b) được hưởng các lợi ích và phân chia tài sản hợp pháp tương ứng với số Chứng Chỉ Quỹ đang sở hữu nếu Quỹ bị thanh lý;</p> <p>(c) yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ thay mặt Quỹ thực hiện việc hoán đổi Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu lấy các Lô Chứng Chỉ Quỹ và ngược lại, theo các quy định của Điều Lệ này và của Pháp Luật;</p> <p>(d) thực hiện các quyền của mình thông qua Đại Hội Nhà Đầu Tư;</p> <p>(e) được chuyển nhượng Chứng Chỉ Quỹ thông qua hệ thống giao dịch của HOSE theo các quy định hiện hành về chứng khoán và thị trường chứng khoán;</p> <p>(f) nhận đầy đủ các thông tin thường xuyên định kỳ hoặc bất</p>	<p>Nhà Đầu Tư có các quyền sau đây:</p> <p>(a) Quyền được đối xử công bằng, mỗi chứng chỉ quỹ đều tạo cho người sở hữu quyền, nghĩa vụ, lợi ích ngang nhau;</p> <p>(b) Quyền tự do chuyển nhượng chứng chỉ quỹ, trừ trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ quỹ;</p> <p>(c) Quyền được tiếp cận đầy đủ các thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của quỹ;</p> <p>(d) Quyền và trách nhiệm tham gia các cuộc họp Đại hội nhà đầu tư và thực hiện quyền biểu quyết dưới hình thức trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</p> <p>(e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật về chứng khoán và tại Điều lệ này;</p>	Điều chỉnh thông tin do Điều lệ Quỹ thay đổi

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
		<p>thường về tình hình hoạt động của Quỹ và báo cáo định kỳ về Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ; và</p> <p>(g) các quyền khác theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này.</p>		
25.	Chương XI, Phần 10.4.3 – Tóm tắt Điều lệ Quỹ	<p>Nhà Đầu Tư có nghĩa vụ:</p> <p>(a) với tư cách là Nhà Đầu Tư, gánh chịu các tổn thất hoặc nợ của Quỹ (nếu có), được giới hạn trong và không vượt quá số Chứng Chỉ Quỹ mà họ nắm giữ đồng thời thanh toán đủ Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu, và/hoặc tiền mua Chứng Chỉ Quỹ đã đăng ký trong thời gian quy định;</p> <p>(b) tuân thủ các quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư, Ban Đại Diện Quỹ hoặc của Công Ty Quản Lý Quỹ;</p> <p>(c) chấp nhận rằng các thông tin của Nhà Đầu Tư có thể được tiết lộ cho cơ quan nhà nước Việt Nam hoặc nước ngoài theo quy định của Pháp Luật hoặc pháp luật nước ngoài; và</p> <p>(d) các nghĩa vụ khác theo quy định Pháp Luật và Điều Lệ này.</p>	<p>Nhà Đầu Tư có nghĩa vụ:</p> <p>(a) Nghĩa vụ thanh toán đầy đủ tiền mua chứng chỉ quỹ trong thời hạn quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của quỹ trong phạm vi số tiền đã thanh toán khi mua chứng chỉ quỹ;</p> <p>(b) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về chứng khoán và tại Điều lệ này.</p>	Điều chỉnh thông tin do Điều lệ Quỹ thay đổi
26.	Chương XI, Phần 10.4.6 – Đại hội nhà đầu tư	<p>Đại Hội Nhà Đầu Tư có các quyền và nghĩa vụ như sau:</p> <p>(a) Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung Điều Lệ của Quỹ, Hợp Đồng Giám Sát (trừ trường hợp sửa đổi bổ sung các nội dung do có sự thay đổi quy định pháp luật hoặc do lỗi ngữ pháp, lỗi chính tả, văn phạm) và phương án phân phối lợi nhuận của Quỹ;</p> <p>(b) Phê duyệt các thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư hoặc mục tiêu đầu tư của Quỹ; tăng mức phí trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát; thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát;</p> <p>(c) Quyết định việc sáp nhập Quỹ,</p>	<p>Đại Hội Nhà Đầu Tư có các quyền và nghĩa vụ như sau:</p> <p>(f) Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung Điều Lệ của Quỹ, Hợp Đồng Giám Sát (trừ trường hợp sửa đổi bổ sung các nội dung do có sự thay đổi quy định pháp luật hoặc do lỗi ngữ pháp, lỗi chính tả, văn phạm) và phương án phân phối lợi nhuận của Quỹ;</p> <p>(g) Phê duyệt các thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư hoặc mục tiêu đầu tư của Quỹ; tăng thay đổi mức phí giá dịch vụ trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát; thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát;</p> <p>(h) Quyết định việc chia, tách, sáp</p>	Điều chỉnh thông tin do Điều lệ Quỹ thay đổi

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
		<p>hợp nhất Quỹ; (d) Quyết định việc tạm dừng giao dịch Chứng Chi Quỹ hoặc chia tách Quỹ; (e) Quyết định việc giải thể Quỹ;</p> <p>Quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư được thông qua khi có số Nhà Đầu Tư đại diện cho ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số Chứng Chi Quỹ của những Nhà Đầu Tư dự họp thông qua, ngoại trừ quyết định liên quan đến các vấn đề thể hiện tại điểm (b) và điểm (c) bên trên chỉ được thông qua khi có Nhà Đầu Tư đại diện cho ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) của tổng số Chứng Chi Quỹ của những Nhà Đầu Tư dự họp thông qua.</p>	<p>nhập Quỹ, hợp nhất Quỹ, giải thể Quỹ; (i) Quyết định việc tạm dừng giao dịch Chứng Chi Quỹ hoặc chia tách Quỹ; (j) Quyết định việc giải thể Quỹ;</p> <p>Quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư được thông qua khi có số Nhà Đầu Tư đại diện cho trên năm mươi ít nhất năm mươi một phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả nhà đầu tư dự họp tán thành số Chứng Chi Quỹ của những Nhà Đầu Tư dự họp thông qua, ngoại trừ quyết định liên quan đến các vấn đề thể hiện tại điểm (b) và điểm (c) bên trên chỉ được thông qua khi có Nhà Đầu Tư đại diện cho trên ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) của tổng số phiếu biểu quyết của tất cả nhà đầu tư dự họp tán thành số Chứng Chi Quỹ của những Nhà Đầu Tư dự họp thông qua.</p>	
27.	Chương XI, Phần 10.4.7 – Ban Đại Diện Quỹ	<p>Ban Đại Diện Quỹ có từ ba (03) thành viên đến năm (05) thành viên, trong đó có ít nhất hai phần ba số thành viên Ban Đại Diện Quỹ là các thành viên không phải là Người Có Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát. Nhiệm kỳ của Ban Đại Diện Quỹ là ba (03) năm, các thành viên Ban Đại Diện Quỹ có thể được tái bổ nhiệm mà không có giới hạn số nhiệm kỳ.</p> <p>Trong Ban Đại Diện Quỹ phải có thành viên có trình độ, chuyên môn về pháp luật và thành viên độc lập có trình độ, chuyên môn và kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán.</p>	<p>Ban Đại Diện Quỹ có từ ba (03) thành viên đến năm (05) thành viên, trong đó có ít nhất hai phần ba số thành viên Ban Đại Diện Quỹ là các thành viên không phải là Người Có Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát. Nhiệm kỳ của Ban Đại Diện Quỹ là ba (03) năm, các thành viên Ban Đại Diện Quỹ có thể được tái bổ nhiệm mà không có giới hạn số nhiệm kỳ.</p> <p>Trong Ban Đại Diện Quỹ phải có: thành viên có trình độ, chuyên môn về pháp luật và thành viên độc lập có trình độ, chuyên môn và kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán.</p> <p>(a) Tối thiểu 01 thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán; (b) Tối thiểu 01 thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong hoạt động phân tích đầu tư chứng khoán hoặc quản lý tài sản;</p>	Điều chỉnh thông tin do Điều lệ Quỹ thay đổi

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
			(c) Tối thiểu 01 thành viên có trình độ chuyên môn về pháp luật.	
28.	Chương XI, Phần 10.4.7 – Ban Đại Diện Quỹ	Ban Đại Diện Quỹ có các quyền và nghĩa vụ sau đây: (a) Đại diện cho quyền lợi của Nhà Đầu Tư; thực hiện các hoạt động phù hợp với quy định của Pháp Luật để bảo vệ quyền lợi của Quỹ và Nhà Đầu Tư; (b) Phê duyệt danh sách các tổ chức cung cấp báo giá, nguyên tắc và phương pháp xác định Giá Trị Tài Sản Ròng; (c) Phê duyệt danh sách các ngân hàng nhận tiền gửi của Quỹ, công cụ thị trường tiền tệ mà Quỹ được phép đầu tư theo quy định tại Điều Lệ này và Pháp Luật; (d) Kiến nghị mức lợi nhuận phân phối; phê duyệt thời hạn và thủ tục phân phối lợi nhuận, hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh; quyết định các vấn đề chưa có sự thống nhất giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát trên cơ sở quy định của Điều Lệ này và Pháp Luật; (e) Trường hợp được Đại Hội Nhà Đầu Tư ủy quyền, quyết định các vấn đề quy định tại các Điều từ 21.2 đến 21.8 của Điều Lệ này; (f) Yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát kịp thời cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin về hoạt động quản lý tài sản và hoạt động giám sát Quỹ; và (g) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều Lệ này và của Pháp Luật.	Ban Đại Diện Quỹ có các quyền và nghĩa vụ sau đây: (a) Đại diện cho quyền lợi của Nhà Đầu Tư; thực hiện các hoạt động phù hợp với quy định của Pháp Luật để bảo vệ quyền lợi của Quỹ và Nhà Đầu Tư; (b) Phê duyệt sổ tay định giá giá trị tài sản ròng của quỹ; danh sách các tổ chức báo giá, các tổ chức tín dụng theo quy định tại Điều 10.5 của Điều Lệ Quỹ; (c) Chấp thuận các giao dịch quy định các giao dịch vào các tài sản được phép đầu tư theo phương thức thỏa thuận (trừ trường hợp giao dịch thực hiện trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán); (d) Quyết định mức lợi tức phân phối theo phương án phân phối lợi nhuận đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua; thời điểm thực hiện, cách thức, hình thức phân phối lợi nhuận; (e) Trường hợp được Đại Hội Nhà Đầu Tư ủy quyền, quyết định các vấn đề quy định tại các Điều từ 21.2 đến 21.8 của Điều Lệ Quỹ. Trong trường hợp này, Công Ty Quản Lý Quỹ phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin Quyết định của Ban đại diện quỹ theo quy định về công bố thông tin đối với Quyết định của Đại hội nhà đầu tư; (f) Quyết định các vấn đề chưa có sự thống nhất giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát trên cơ sở quy định của pháp luật;	Điều chỉnh thông tin do Điều lệ Quỹ thay đổi

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
			<p>(g) Yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát kịp thời cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin về hoạt động quản lý quỹ và hoạt động giám sát;</p> <p>(h) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và các quy định tại Điều Lệ Quỹ.</p>	
29.	Chương XII, Phần 11.1 – Căn cứ pháp lý		Thay đổi tham chiếu các văn bản pháp lý cho phù hợp với Luật chứng khoán, các Thông tư và Nghị định mới ban hành	Thay đổi thông tin do các quy định pháp luật mới ban hành
30.	Chương XII, Phần 11.2.1 – Cơ cấu đầu tư	Danh mục đầu tư của Quỹ bao gồm các Chứng Khoán Cơ Cấu trong danh mục của Chỉ Số Tham Chiếu và các tài sản chính sau đây tại Việt Nam: (i) Gửi tiền tại các ngân hàng thương mại theo quy định của Pháp Luật về ngân hàng; công cụ thị trường tiền tệ, bao gồm giấy tờ có giá và công cụ chuyển nhượng theo quy định trong lĩnh vực ngân hàng; (ii) Trái phiếu Chính Phủ, trái phiếu được Chính Phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương và tín phiếu Kho bạc nhà nước; (iii) Trái phiếu niêm yết của tổ chức phát hành được thành lập và hoạt động theo Pháp Luật; (iv) Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu đăng ký giao dịch; (v) Chứng khoán phái sinh được niêm yết, giao dịch tại các Sở giao dịch Chứng khoán của Việt Nam. Tuy nhiên, việc đầu tư này chỉ phục vụ cho mục tiêu phòng ngừa rủi ro và giảm thiểu mức sai lệch so với Chỉ Số Tham Chiếu; và (vi) Các tài sản khác phát sinh từ việc sở hữu các chứng khoán có trong danh mục của Quỹ.	Danh mục đầu tư của Quỹ bao gồm các Chứng Khoán Cơ Cấu trong danh mục của Chỉ Số Tham Chiếu và các tài sản chính sau đây tại Việt Nam: (i) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của Pháp Luật về ngân hàng; công cụ thị trường tiền tệ, bao gồm giấy tờ có giá và công cụ chuyển nhượng theo quy định trong lĩnh vực ngân hàng; (ii) Trái phiếu Công cụ nợ của Chính Phủ, trái phiếu được Chính Phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương và tín phiếu Kho bạc nhà nước ; (iii) Trái phiếu niêm yết của tổ chức phát hành được thành lập và hoạt động theo Pháp Luật; (iv) Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu đăng ký giao dịch, chứng chỉ quỹ đại chúng ; (v) Chứng khoán phái sinh được niêm yết, giao dịch tại các Sở giao dịch Chứng khoán của Việt Nam. Tuy nhiên, việc đầu tư này chỉ phục vụ cho mục tiêu phòng ngừa rủi ro và giảm thiểu mức sai lệch so với Chỉ Số Tham Chiếu; và (vi) Các tài sản khác phát sinh từ việc sở hữu các chứng khoán có trong danh mục của Quỹ.	Điều chỉnh thông tin do quy định pháp luật sửa đổi
31.	Chương XIII, Phần 12.9 –	Trường hợp chứng khoán trong Doanh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu hoán đổi có sự kiện doanh nghiệp phát sinh như chia cổ tức bằng tiền,	Trường hợp chứng khoán trong Doanh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu hoán đổi cần mua hộ có sự kiện doanh nghiệp phát sinh như chia cổ	Điều chỉnh thông tin cho phù hợp với thực

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
	Phương tiện thanh toán	cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng, quyền mua cổ phiếu phát hành thêm cho Quỹ trong khoảng thời gian thực hiện giao dịch hoán đổi đến khi hoàn tất mua hộ, Thành Viên Lập Quỹ/Nhà Đầu Tư sẽ thực hiện thanh toán bằng tiền cho Quỹ theo quy định chi tiết tại mục 12.11.3.3 của Bản Cáo Bạch này.	tức bằng tiền, cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng, quyền mua cổ phiếu phát hành thêm cho Quỹ trong khoảng thời gian thực hiện giao dịch hoán đổi đến khi hoàn tất mua hộ, đối với cổ tức bằng tiền thì Thành Viên Lập Quỹ/Nhà Đầu Tư sẽ thực hiện thanh toán bằng tiền cho Quỹ sau khi nhận được thông báo từ Công ty Quản lý Quỹ; đối với cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng, quyền mua cổ phiếu phát hành thêm thì Quỹ sẽ thực hiện mua tăng thêm số lượng cổ phiếu tương ứng với số lượng cổ phiếu được hưởng quyền theo quy định chi tiết tại mục 12.11.3.3 của Bản Cáo Bạch này.	tế hoạt động của Quỹ
32.	Phần XII, Khoản 12.11.3.3 – Quy trình thực hiện giao dịch hoán đổi chứng khoán cơ cấu lấy lô chứng chỉ quỹ	Trong thời hạn bảy (07) Ngày Làm Việc kể từ ngày T+1 mà phát sinh sự kiện doanh nghiệp và chốt danh sách thực hiện quyền đối với những Chứng Khoán Cơ Cấu cần mua hộ mà Quỹ chưa được ghi nhận sở hữu chứng khoán thì Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ tính toán và thông báo cho Thành Viên Lập Quỹ số tiền cần nộp bổ sung tại cuối ngày làm việc thứ 7 kể từ ngày T+1. Thành Viên Lập Quỹ có trách nhiệm hoàn trả Quỹ số tiền tương ứng trong thời hạn 3 Ngày Làm Việc kể khi nhận được thông báo của Công Ty Quản Lý Quỹ. Số tiền nộp bổ sung sẽ được tính toán dựa trên báo cáo chốt danh sách thực hiện quyền của VSD và sẽ được hạch toán vào thu nhập từ hoạt động đầu tư của Quỹ, cụ thể như sau: (a) Đối với cổ tức trả bằng tiền: số tiền cần nộp bổ sung bằng số lượng Chứng Khoán Cơ Cấu phát sinh cổ tức bằng tiền nhân với tỷ lệ trả cổ tức. (b) Đối với cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng: số tiền cần nộp bổ sung bằng số lượng cổ phiếu hoán đổi cần mua hộ được thưởng cổ tức bằng cổ phiếu nhân với giá đóng cửa của các mã cổ phiếu này tại ngày hoàn tất việc mua hộ (T+7).	Trong trường hợp thời hạn bảy (07) Ngày Làm Việc kể từ ngày giao dịch hoán đổi đến ngày hoàn tất mua hộ T+1 mà phát sinh sự kiện doanh nghiệp và chốt danh sách thực hiện quyền đối với những Chứng Khoán Cơ Cấu cần mua hộ mà Quỹ chưa được ghi nhận sở hữu chứng khoán thì Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ thực hiện như sau: tính toán và thông báo cho Thành Viên Lập Quỹ số tiền cần nộp bổ sung tại cuối ngày làm việc thứ 7 kể từ ngày T+1. Thành Viên Lập Quỹ có trách nhiệm hoàn trả Quỹ số tiền tương ứng trong thời hạn 3 Ngày Làm Việc kể khi nhận được thông báo của Công Ty Quản Lý Quỹ. Số tiền nộp bổ sung sẽ được tính toán dựa trên báo cáo chốt danh sách thực hiện quyền của VSD và sẽ được hạch toán vào thu nhập từ hoạt động đầu tư của Quỹ, cụ thể như sau: (a) Đối với cổ tức trả bằng tiền: số tiền cần nộp bổ sung bằng số lượng Chứng Khoán Cơ Cấu phát sinh cổ tức bằng tiền nhân với tỷ lệ trả cổ tức. (b) Đối với cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng: số lượng các mã chứng khoán cơ cấu cần mua hộ sẽ được điều chỉnh tăng	Điều chỉnh thông tin cho phù hợp với thực tế hoạt động của Quỹ

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
		<p>(c) Đối với sự kiện chốt quyền mua cổ phiếu mà giá đóng cửa tại ngày hoàn tất việc mua hộ lớn hơn giá thực hiện quyền: số tiền cần nộp bổ sung trên mỗi cổ phiếu bằng số lượng cổ phiếu được mua từ quyền mua phát sinh của cổ phiếu hoán đổi nhân với hiệu số giữa giá đóng cửa tại ngày hoàn tất việc mua hộ và giá thực hiện quyền.</p> <p>(d) Đối với sự kiện chốt quyền mua khác: số tiền nộp bổ sung bằng tiền trên mỗi cổ phiếu sẽ được Công Ty Quản Lý Quỹ thông báo sau nếu có.</p>	<p>bằng số lượng cổ phiếu hoán đổi được nhận do cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng số tiền cần nộp bổ sung bằng số lượng cổ phiếu hoán đổi cần mua hộ được thưởng cổ tức bằng cổ phiếu nhân với giá đóng cửa của các mã cổ phiếu này tại ngày hoàn tất việc mua hộ (T+7).</p> <p>(c) Đối với sự kiện chốt quyền mua cổ phiếu mà giá điều chỉnh tại ngày chốt quyền giá đóng cửa tại ngày hoàn tất việc mua hộ lớn hơn giá thực hiện quyền: số tiền cần nộp bổ sung trên mỗi cổ phiếu bằng số lượng cổ phiếu được mua từ quyền mua phát sinh của cổ phiếu hoán đổi nhân với hiệu số giữa giá điều chỉnh tại ngày chốt quyền giá đóng cửa tại ngày hoàn tất việc mua hộ và giá thực hiện quyền.</p> <p>(d) Đối với sự kiện chốt quyền mua khác: số tiền nộp bổ sung bằng tiền trên mỗi cổ phiếu sẽ được Công Ty Quản Lý Quỹ thông báo sau nếu có.</p> <p>Việc quyết toán các sự kiện doanh nghiệp phát sinh đối với cổ phiếu cần mua hộ sẽ được căn trừ vào tiền quyết toán mua hộ theo như quy định tại mục 12.11.3.1 và 12.11.3.2</p>	
33.	Chương XIV, Phần 13.2 – Niêm yết, giao dịch chứng chỉ quỹ trên HOSE	<p>Thành Viên Lập Quỹ chỉ được bán Chứng Chỉ Quỹ (bán Chứng Khoán Cơ Cấu) trên hệ thống của HOSE khi bảo đảm có đủ Chứng Chỉ Quỹ (Chứng Khoán Cơ Cấu) để bán vào ngày thanh toán theo quy định của VSD. Số Chứng Chỉ Quỹ (Chứng Khoán Cơ Cấu) này bao gồm:</p> <p>(i) số Chứng Chỉ Quỹ (số Chứng Khoán Cơ Cấu) đã có sẵn trên tài khoản của Thành Viên Lập Quỹ tại ngày thực hiện giao dịch;</p> <p>(ii) số Chứng Chỉ Quỹ (số Chứng Khoán Cơ Cấu) nhận được trước hoặc vào ngày thanh toán từ giao dịch hoán đổi trên cơ sở Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu (số Chứng Chỉ Quỹ) có được trong các giao dịch mua trên thị trường; hoặc giao dịch</p>	<p>Thành Viên Lập Quỹ chỉ được bán Chứng Chỉ Quỹ (bán Chứng Khoán Cơ Cấu) trên hệ thống của HOSE khi bảo đảm có đủ Chứng Chỉ Quỹ (Chứng Khoán Cơ Cấu) để bán vào ngày thanh toán theo quy định của VSD. Số Chứng Chỉ Quỹ (Chứng Khoán Cơ Cấu) này bao gồm:</p> <p>(i) số Chứng Chỉ Quỹ (số Chứng Khoán Cơ Cấu) đã có sẵn trên tài khoản của Thành Viên Lập Quỹ tại ngày thực hiện giao dịch;</p> <p>(ii) số Chứng Chỉ Quỹ (số Chứng Khoán Cơ Cấu) nhận được trước hoặc vào ngày thời điểm thanh toán từ giao dịch hoán đổi trên cơ sở Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu (số Chứng Chỉ Quỹ) có được trong các giao dịch mua trên thị trường; hoặc</p>	Điều chỉnh thông tin do quy định pháp luật sửa đổi

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
		vay trên hệ thống của VSD đã thực hiện thành công trước đó.	giao dịch vay trên hệ thống của VSD đã thực hiện thành công trước đó.	
34.	Chương XIV, Phần 13.3 – Niêm yết, giao dịch chứng chỉ quỹ trên HOSE	<p>Chứng Chỉ Quỹ bị hủy niêm yết trong các trường hợp sau:</p> <p>(a) Mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu (tracking error-TE) liên tục trong ba (03) tháng gần nhất vượt quá mức sai lệch tối đa theo quy định của HOSE (hiện tại là 10%), trong đó mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu của tuần hiện tại (t) được xác định theo công thức sau:</p>	<p>Chứng Chỉ Quỹ bị hủy niêm yết trong các trường hợp sau:</p> <p>(a) Mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu (tracking error-TE) hiên tục trong ba (03) tháng gần nhất vượt quá mức sai lệch tối đa theo quy định của HOSE (hiện tại là 10%), trong đó mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu của tuần hiện tại (t) được xác định theo công thức sau:</p>	Điều chỉnh thông tin do quy định pháp luật sửa đổi
35.	Chương XV, Phần 14.3.2 – Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng	<p>Trái phiếu niêm yết</p> <p>Được xác định theo giá yết cuối ngày của giao dịch thông thường trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá cộng lãi lũy kế.</p> <p>Trong trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày trước Ngày Định Giá, giá trái phiếu là giá được xác định theo một trong các phương pháp sau đây</p>	<p>Trái phiếu niêm yết</p> <p>Được xác định theo giá yết bình quân cuối ngày của giao dịch thông thường hoặc tên gọi khác trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá cộng lãi lũy kế.</p> <p>Trong trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày hai (02) tuần tính đến ngày trước Ngày Định Giá, giá trái phiếu là giá được xác định theo một trong các phương pháp sau đây</p>	Điều chỉnh thông tin do quy định pháp luật sửa đổi
36.	Chương XV, Phần 14.3.2 – Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng	<p>Cổ phiếu niêm yết trên HOSE hoặc HNX</p> <p>Được xác định theo giá thị trường, là giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của sở giao dịch chứng khoán liên quan) của ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá.</p> <p>Trong trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày trước Ngày Định Giá, giá cổ phiếu là giá được xác định theo một trong các phương pháp sau đây</p>	<p>Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán HOSE hoặc HNX</p> <p>Được xác định theo giá thị trường, là giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của sở giao dịch chứng khoán liên quan) của ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá.</p> <p>Trong trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày hai (02) tuần tính đến ngày trước Ngày Định Giá, giá cổ phiếu là giá được xác định theo một trong các phương pháp sau đây</p>	Điều chỉnh thông tin do quy định pháp luật sửa đổi
37.	Chương XV, Phần 14.3.2 – Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng	<p>Cổ phiếu của công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom</p> <p>Được xác định theo giá thị trường, là giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của sở giao dịch chứng khoán liên quan) của ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá.</p>	<p>Cổ phiếu của công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom</p> <p>Được xác định theo giá thị trường, là giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của sở giao dịch chứng khoán liên quan) của ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá.</p>	Điều chỉnh thông tin do quy định pháp luật sửa đổi

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
		Trong trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày trước Ngày Định Giá, giá cổ phiếu là giá được xác định theo một trong các phương pháp sau đây	Trong trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày hai (02) tuần tính đến ngày trước Ngày Định Giá, giá cổ phiếu là giá được xác định theo một trong các phương pháp sau đây	
38.	Chương XV, Phần 14.3.2 – Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng	Chứng khoán phái sinh Chứng khoán phái sinh niêm yết Giá đóng cửa tại ngày giao dịch trước gần nhất trước Ngày Định Giá.	Chứng khoán phái sinh Chứng khoán phái sinh niêm yết Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày giao dịch trước gần nhất trước Ngày Định Giá.	Điều chỉnh thông tin do quy định pháp luật sửa đổi
39.	Chương XV, Phần 14.3.2 – Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng	Chứng khoán phái sinh Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch trong vòng hai (02) tuần trở lên trước ngày định giá: Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận được nêu chi tiết trong sổ tay định giá.	Chứng khoán phái sinh Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến Ngày Định Giá trong vòng hai (02) tuần trở lên trước ngày định giá: Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận được nêu chi tiết trong sổ tay định giá.	Điều chỉnh thông tin do quy định pháp luật sửa đổi và phù hợp với thực tế hoạt động của Quỹ
40.	Chương XV, Phần 14.3.2 – Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng	Các tài sản khác Các tài sản được phép đầu tư khác: Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận được nêu chi tiết trong sổ tay định giá.	Các tài sản khác Các tài sản được phép đầu tư khác: Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định theo mô hình lý thuyết phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận được nêu chi tiết trong sổ tay định giá.	Điều chỉnh thông tin cho phù hợp với thực tế hoạt động của Quỹ
41.	Chương XV, Phần 14.3.2 – Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng	Ghi chú: (i) Các phương pháp định giá được liệt kê cho mỗi loại tài sản sẽ được áp dụng theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới. (ii) Hướng dẫn chi tiết các phương pháp chiết khấu dòng tiền, phương pháp nội suy tuyến tính được quy định tại sổ tay định giá. 	Ghi chú: (i) Các phương pháp định giá được liệt kê cho mỗi loại tài sản sẽ được áp dụng theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới. (ii) Hướng dẫn chi tiết các phương pháp chiết khấu dòng tiền, phương pháp nội suy tuyến tính được quy định tại sổ tay định giá. 	Điều chỉnh thông tin cho phù hợp với thực tế hoạt động của Quỹ

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
42.	Chương XVI, Phần 15.2 – Giá dịch vụ phát hành và giá phát hành	Việc tăng Giá Dịch Vụ Phát Hành chỉ được thực hiện khi mức Giá Dịch Vụ Phát Hành sau khi tăng không vượt quá mức quy định tại Mục 15.2 này. Giá Dịch Vụ Phát Hành sau khi tăng chỉ được áp dụng sau chín mươi (90) ngày kể từ ngày Bản Cáo Bạch, Điều Lệ của Quỹ đã được sửa đổi, bổ sung quy định về mức giá dịch vụ mới và Công Ty Quản Lý Quỹ công bố về mức Giá Dịch Vụ Phát Hành mới trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ.	Việc tăng Giá Dịch Vụ Phát Hành chỉ được thực hiện khi mức Giá Dịch Vụ Phát Hành sau khi tăng không vượt quá mức quy định tại Mục 15.2 này. Giá Dịch Vụ Phát Hành sau khi tăng chỉ được áp dụng sau chín mươi (90) sáu mươi (60) ngày kể từ ngày Bản Cáo Bạch, Điều Lệ của Quỹ đã được sửa đổi, bổ sung quy định về mức giá dịch vụ mới và Công Ty Quản Lý Quỹ công bố về mức Giá Dịch Vụ Phát Hành mới trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ.	Điều chỉnh thông tin do quy định pháp luật sửa đổi
43.	Chương XVI, Phần 15.3 – Giá dịch vụ mua lại và giá mua lại	Việc tăng Giá Dịch Vụ Mua Lại chỉ được thực hiện khi mức Giá Dịch Vụ Mua Lại sau khi tăng không vượt quá mức quy định tại Mục 15.3 này. Giá Dịch Vụ Mua Lại sau khi tăng chỉ được áp dụng sau chín mươi (90) ngày kể từ ngày Bản Cáo Bạch, Điều Lệ của Quỹ đã được sửa đổi, bổ sung quy định về mức giá dịch vụ mới và Công Ty Quản Lý Quỹ công bố các mức Giá Dịch Vụ Mua Lại mới trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ.	Việc tăng Giá Dịch Vụ Mua Lại chỉ được thực hiện khi mức Giá Dịch Vụ Mua Lại sau khi tăng không vượt quá mức quy định tại Mục 15.3 này. Giá Dịch Vụ Mua Lại sau khi tăng chỉ được áp dụng sau chín mươi (90) sáu mươi (60) ngày kể từ ngày Bản Cáo Bạch, Điều Lệ của Quỹ đã được sửa đổi, bổ sung quy định về mức giá dịch vụ mới và Công Ty Quản Lý Quỹ công bố các mức Giá Dịch Vụ Mua Lại mới trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ.	Điều chỉnh thông tin do quy định pháp luật sửa đổi
44.	Chương XVI, Phần 15.11 – Giá dịch vụ quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu	Giá dịch vụ quản lý và vận hành Chỉ Số Tham Chiếu là 0,02% một năm tính trên tổng NAV hàng ngày của Quỹ, tối thiểu là năm mươi triệu (50.000.000) đồng/năm. Giá dịch vụ quản lý và vận hành Chỉ Số Tham Chiếu được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán mỗi 6 (sáu) tháng một lần cho HOSE. Giá dịch vụ trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.	Giá dịch vụ quản lý và vận hành Chỉ Số Tham Chiếu là 0,02% một năm tính trên tổng NAV hàng ngày của Quỹ, tối thiểu là năm mươi triệu (50.000.000) đồng/năm. Giá dịch vụ quản lý và vận hành Chỉ Số Tham Chiếu được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán mỗi 6 (sáu) tháng một lần cho HOSE. Giá dịch vụ trên chưa không bao gồm thuế giá trị gia tăng.	Điều chỉnh thông tin cho phù hợp với thực tế hoạt động của Quỹ
45.	Chương XVI, Phần 15.12 – Giá dịch vụ tính toán giá trị tài sản ròng tham chiếu (iNAV) trên một chứng chỉ quỹ	Giá dịch vụ tính toán Giá Trị Tài Sản Ròng tham chiếu (iNAV) trên một chứng chỉ quỹ là 0,02% một năm tính trên tổng NAV hàng ngày của Quỹ, tối thiểu là năm mươi triệu (50.000.000) đồng/năm. Giá dịch vụ tính toán iNAV được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán mỗi 6 (sáu) tháng một lần cho HOSE. Giá dịch vụ trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.	Giá dịch vụ tính toán Giá Trị Tài Sản Ròng tham chiếu (iNAV) trên một chứng chỉ quỹ là 0,02% một năm tính trên tổng NAV hàng ngày của Quỹ, tối thiểu là năm mươi triệu (50.000.000) đồng/năm. Giá dịch vụ tính toán iNAV được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán mỗi 6 (sáu) tháng một lần cho HOSE. Giá dịch vụ trên chưa không bao gồm thuế giá trị gia tăng.	Điều chỉnh thông tin cho phù hợp với thực tế hoạt động của Quỹ
46.	Phụ lục 02 – Danh sách Thành Viên Lập Quỹ, Đại Lý	Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán VNDirect Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động số 22/UBCK-GPHĐKD do UBCKNN cấp ngày 16/11/2006 Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động	Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán VNDirect Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động số 22/UBCK-GPHĐKD do UBCKNN cấp ngày 16/11/2006 Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động	Điều chỉnh do VNDirect không còn Thành Viên Lập Quỹ và Đại

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch cũ	Khoản mục, điều của Bản cáo bạch mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
	Phân Phối và Điểm nhận lệnh	lưu ký chứng khoán số 26/GCNTVLK do Trung tâm lưu ký chứng khoán cấp ngày 05/12/2006 Địa chỉ: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội Điện thoại: 024 3941 0622 Fax: 024 3972 4600	động lưu ký chứng khoán số 26/GCNTVLK do Trung tâm lưu ký chứng khoán cấp ngày 05/12/2006 Địa chỉ: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội Điện thoại: 024 3941 0622 Fax: 024 3972 4600	Lý Phân Phối của Quỹ
47.	Phụ lục 02 – Danh sách Thành Viên Lập Quỹ, Đại Lý Phân Phối và Điểm nhận lệnh		Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán KIS Việt Nam Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động số 56/UBCK-GPHĐKD do UBCKNN cấp lần đầu ngày 05/07/2007 Địa chỉ: Lầu 3, 180-192 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam Điện thoại: 028 3914 8585 Fax: 028 3821 6898	Cập nhật thêm KIS vào danh sách Thành Viên Lập Quỹ, Đại Lý Phân Phối và Điểm nhận lệnh

- Ngày bắt đầu có hiệu lực: 13/05/2021
- Công ty cam kết sẽ hoàn tất các thủ tục liên quan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của công văn này và hồ sơ kèm theo.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital

Tổng Giám Đốc



Brook Colin Taylor

Hồ sơ kèm theo:

(Liệt kê đầy đủ)

- Bản cáo bạch sửa đổi bổ sung